

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: KẾ TOÁN
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Mã Ngành	: C67

(Ban hành tại Quyết định số 08/2007QĐ-ĐHTĐ ngày 05/3/2007 của Hiệu trưởng trường Đại Học Tây Đô)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị kinh doanh, qui trình công nghệ kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh doanh; Có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các doanh nghiệp và các bộ phận chức năng kế toán kiểm toán tại các Bộ, Ngành và các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế khác.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.1.1 Kiến thức:

- Nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về Kế toán tài chính, kế toán kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, Ngân hàng và Cơ quan hành chính sự nghiệp.
- Hiểu được nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kế toán, bao gồm kế toán quản trị, kế toán tài chính, kiểm toán, đối chiếu kế toán của ta và kế toán quốc tế và có thể vận dụng các nguyên tắc này trong công việc thực tế.

1.1.2 Về kỹ năng:

- Có năng lực thực hành thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của kế toán viên để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp.
- Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ kế toán.
- Ngoài việc thành thạo phần mềm kế toán AccNet và AcSoft, sinh viên còn có thể làm quen rất nhanh với bất cứ phần mềm kế toán nào khác vì được trang bị kiến thức nền về nguyên tắc hoạt động của phần mềm kế toán.

1.1.3 Về triển vọng việc làm:

Sinh viên có thể làm kế toán, kiểm toán kiểm soát nội bộ, thiết lập thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về thuế, tài chính, công ty kiểm toán, tư vấn tài chính kế toán và thuế...

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 148 đơn vị học trình

(chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1 Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tốt chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

6. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7. Nội dung chương trình đào tạo: 148 ĐVHT

+	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	51
+	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó:	
	– Kiến thức cơ sở khối ngành	8
	– Kiến thức cơ sở ngành	19
	– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	21
	– Kiến thức bổ trợ	33
	– Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	16

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương 51 ĐVHT

7.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh: 15 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

7.1.2 Khoa học xã hội: 7 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Pháp luật đại cương	2
2	Luật kinh tế	3
3	Soạn thảo văn bản	2

7.1.3 Nhân văn – nghệ thuật: Không có

7.1.4 Ngoại ngữ: 12 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Tiếng Anh căn bản 1	4
2	Tiếng Anh căn bản 2	4
3	Tiếng Anh căn bản 3	4

7.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường: 17 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4
4	Toán kinh tế	3

7.1.6 Giáo dục thể chất 3 ĐVHT

7.1.7 Giáo dục quốc phòng 135 tiết

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 90 ĐVHT**7.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành 8 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
	Tổng cộng	8

7.2.2 Kiến thức cơ sở của ngành 19 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	4
2	Nguyên lý kế toán	4
4	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3
5	Quản trị học căn bản	4
6	Marketing căn bản	4
	Tổng cộng	19

7.2.3 Kiến thức ngành Kế toán 21 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
Phần bắt buộc		
1	Kế toán tài chính 1	4
2	Kế toán tài chính 2	4
3	Kiểm toán 1	3
5	Kế toán chi phí	4
8	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3
11	Hệ thống thông tin kế toán 1	3
	Tổng cộng	21

7.2.4 Kiến thức bổ trợ 33 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Thị trường tài chính	3
2	Thuế	3
3	Thanh toán quốc tế	3
6	Phân tích và thẩm định dự án	4
7	Thực hành kế toán (chứng từ, sổ sách, báo cáo thuế)	4
9	Quản trị tài chính	4
12	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
13	Tin học ứng dụng kế toán	4
14	Tiếng Anh chuyên ngành	4
	Tổng cộng	33

7.2.5 Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp 16 ĐVHT

STT	Môn học	ĐVHT
1	- Thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp	8
	- Thi môn cơ sở và môn chuyên ngành	8
2	Thi môn Chính trị	
	Cộng:	16

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1 Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
= 30 đối với học phần thực tập
= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

8.2 Chương trình ngành Kế Toán được thiết kế theo đơn ngành.

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Trình độ đào tạo: Cao Đẳng

Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Business Administration And Marketing)

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

Mã Ngành: C68

(Ban hành tại Quyết định số 08/2007/QĐ-ĐHTĐ ngày 05/3/2008 của Hiệu trưởng trường Đại Học Tây Đô)

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh – Marketing nhằm đào tạo các Cử nhân kinh tế có thể làm công tác quản lý kinh doanh trong nhiều ngành nghề. Mục tiêu đào tạo cụ thể là:

Về kiến thức: trang bị cho người học kiến thức về:

- Quản lý sản xuất – kinh doanh: nhân sự, sản xuất, chất lượng, tài chính, marketing cấp trung.
- Phương pháp phân tích cơ hội, đe dọa của môi trường kinh doanh; phân tích điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp, từ đó biết cách xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược để phát triển doanh nghiệp hoặc các dự án để giải quyết các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp.

Về kỹ năng: Sinh viên có thể:

- Giao tiếp tốt với đối tác, khách hàng;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng cũng như các máy móc văn phòng;
- Sử dụng Anh văn để giao tiếp thông thường hoặc phục vụ cho công việc.

Về triển vọng việc làm: Sinh viên tốt nghiệp có thể:

- Đảm trách các công việc tác nghiệp, giữ vai trò quản lý ở cấp trung, hoặc khởi sự kinh doanh độc lập.
- Làm việc trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau: sản xuất, thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm (6 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm).

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng đơn vị học trình): 145 ĐVHT

(chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tốt chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

6. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7. Nội dung chương trình đào tạo:	145 ĐVHT
+ Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	51
+ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó:	
– Kiến thức cơ sở khối ngành	8
– Kiến thức cơ sở ngành	19
– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	29
– Kiến thức bổ trợ	22
– Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	16

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương 51 ĐVHT

7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh: 15 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

7.1.2. Khoa học xã hội: 7 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Pháp luật đại cương	2
2	Luật kinh tế	3
3	Soạn thảo văn bản	2

7.1.3. Nhân văn – nghệ thuật: Không có

7.1.4. Ngoại ngữ: 12 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Tiếng Anh căn bản 1	4
2	Tiếng Anh căn bản 2	4
3	Tiếng Anh căn bản 3	4

7.1.5. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường: 17 ĐVHT

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4
4	Toán kinh tế	3

7.1.6. *Giáo dục thể chất* 3 ĐVHT

7.1.7. *Giáo dục quốc phòng* 135 tiết

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 94 ĐVHT

7.2.1. *Kiến thức cơ sở của khối ngành* 8 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
	<i>Tổng cộng</i>	8

7.2.2. *Kiến thức cơ sở của ngành* 19 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Nguyên lý thống kê	4
2	Nguyên lý kế toán	4
3	Quản trị học căn bản	4
4	Marketing căn bản	4
5	Lý thuyết tài chính – Tiền tệ	3
	<i>Tổng cộng</i>	19

7.2.3. *Kiến thức ngành* 29 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
Phần bắt buộc		
1	Quản trị chiến lược	3
2	Quản trị nguồn nhân lực	3
3	Thương mại điện tử	2
4	Quản trị chất lượng	3
5	Nghiên cứu Marketing	3
6	Quản trị bán hàng	3
7	Kỹ thuật quảng cáo	3
8	Quản trị Marketing	3
9	Quản trị sản xuất	3
10	Quản trị thương hiệu	3
	<i>Tổng cộng:</i>	29

7.2.4. *Kiến thức bổ trợ* 22 ĐVHT

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Thị trường tài chính	3
2	Thuế	3
3	Kế toán quản trị	3
4	Giao tiếp kinh doanh	2

5	Thanh toán quốc tế	3
6	Tiếng Anh chuyên ngành	4
7	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	4
	Tổng cộng	22

7.2.5. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp 16 ĐVHT

STT	Môn học	ĐVHT
1	- Thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp	8
	- Thi môn cơ sở và môn chuyên ngành	8
2	Thi môn Chính trị	
	Cộng:	16

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

- Chương trình ngành Quản trị kinh doanh – Marketing được thiết kế theo đơn ngành.

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Ngành: TIN HỌC ỨNG DỤNG

Mã ngành: C65

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

7.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

KHỐI KIẾN THỨC	Số ĐVHT	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	75	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	77	

Tổng khối lượng	152	
-----------------	-----	--

7.2. Khối lượng kiến thức bắt buộc

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

79 đvht

STT	TN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
A	Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	15 đvht
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	2
B	Khoa học xã hội	6 đvht
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản	2
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
C	Giáo dục thể chất	3 đvht
D	Giáo dục quốc phòng	135 tiết
E	Ngoại ngữ	12 đvht
F	Toán học	17 đvht
1	Vi tích phân A1	3
2	Đại số TT & HH	4
3	Vi tích phân A2	4
4	Toán rời rạc 1- ĐS Bool	3
5	Xác suất thống kê	3
G	Vật lý	9 đvht
H	Điện tử, Tin học đại cương	13 đvht
1	Tin học căn bản	4
2	Internet	2
3	Lập trình căn bản A	5
4	Nhập môn điện tử học	2

Tổng cộng	75 ĐVHT
------------------	----------------

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **77 đvht**

ST T	TN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
1	Ngôn ngữ hệ thống	3
2	Cấu trúc dữ liệu	5
3	Hệ cơ sở dữ liệu	4
4	Kiến trúc máy tính	3
5	Tóan rời rạc 2 – Logic TT	4
6	Hệ điều hành	4
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4
8	Lập trình hướng đối tượng C ⁺⁺	4
9	Mạng máy tính	4
10	Lập trình Web	3
11	Phân tích và thiết kế HTTT	4
12	Phân tích hệ thống HĐT	3
13	Nhập môn công nghệ phần mềm	3
14	Lập trình truyền thông	3
15	Thiết kế cài đặt mạng	3
16	Thực tập chuyên đề Tin học	3
	TỔNG CỘNG	57 ĐVHT
	Tiểu luận tốt nghiệp	20 ĐVHT
1	Tiểu luận tốt nghiệp Tin học	8 đvht
2	Thi TN môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành	8 đvht
3	Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
	TỔNG CỘNG	77 ĐVHT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Mã ngành: C66

Loại hình đào tạo: Chính quy

5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 161 đvht

Thời gian đào tạo: 3 năm (6 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

KHỐI KIẾN THỨC	Số ĐVHT	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	81	
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	80	
Tổng khối lượng	161	

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

81 đvht

STT	Mã Môn Học	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
1	ML134- ML135	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1, 2	8
2	TC100_(1)	Thể dục 1	1
3	NN681_(6)	Anh văn căn bản 1	4
4	TN033_(2)	Tin học căn bản	2
5	TN034_(2)	Thực tập tin học căn bản	2
6	TN012_(4)	Đại Số Tuyến Tính và Hình Học	4
7	TN014_(2)	Cơ nhiệt đại cương	2
8	TN015_(1)	Thực tập cơ nhiệt	1
9	KL001_(2)	Pháp luật đại cương	2
10	KT001_(3)	Kinh tế học đại cương	3
11	ML006_2)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

12	TC101_(1)	Thẻ dực 2	1
13	NN682_(7)	Anh văn căn bản 2	4
14	TN001_(3)	Vi Tích Phân A 1	3
15	TN021_(3)	Hoá Đại cương	3
16	TN022_(1)	Thực tập hoá đại cương	1
17	TN041_(2)	Điện quang đại cương	2
18	TN042_(1)	Thực tập điện quang đại cương	1
19	QP001_(4)	Giáo dục quốc phòng	135 T
20	ML005_(3)	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
21	TN002_(4)	Vi Tích Phân A2	4
22	TC102_(1)	Thẻ dực 3	1
23	NN683_(7)	Anh văn căn bản 3	4
24	TN010_(3)	Xác suất thống kê	3
25	CN131_(4)	Hình Hoạ & vẽ kỹ thuật-xd & Bài tập lớn	4
27	CN101_(4)	Cơ lý thuyết - XD	4
TỔNG CỘNG			81 ĐVHT

6.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp:

80 đvht

STT		TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
A. Kiến thức cơ sở			31 đvht
1	CN102_(3)	Địa chất công trình	3
2	CN104_(3)	Vật liệu xây dựng	3
3	CN106	Sức bền vật liệu	3
4	CN112_(3)	Cơ học đất	3
5	CN108_(3)	Thủy Lực và Nhiệt Động Lực Học Công Trình	3
6	CN114_(4)	Cơ học kết cấu	4
7	CN331_(2)	Tin học ứng dụng Autocad 2D	2
8	CN110_(3)	Trắc địa đại cương	3

9	CN121_(3)	Kết Cấu gỗ, gạch đá	3
10	CN116_(2)	Kỹ thuật điện xây dựng	2
11	CN337_(2)	Luật xây dựng	2
B. Kiến thức ngành			26 đvht
1	CN401_(2)	Cấu tạo kiến trúc	2
2	CN118_(3)	Nguyên lý kiến trúc	3
3	CN305_(3)	Kết cấu thép	3
4	CN121_(3)	Kết cấu bê tông cơ sở	3
5	CN311_(3)	Máy xây dựng	3
6	CN303_(3)	Nền móng	3
7	CN352_(3)	Kỹ thuật thi công	4
8	CN351_(2)	Tổ chức thi công	3
9	CN324	Công trình trên đất yếu	2
C. Thực tập nghề nghiệp			4 đvht
1	CN111_(1)	TT.Trắc địa đại cương	1
2	CN103_(1)	TT. Địa chất công trình	1
3	CN105_(1)	TT.Vật liệu xây dựng	1
4	CN113_(1)	TT. Cơ Học đất	1
D. Niên luận			3 đvht
1	CN329_(1)	Đồ án Kết cấu bê tông cơ sở	1
2	CN354_(1)	Đồ án thi công	1
3	CN304_(1)	Đồ án Nền móng	1
TỔNG CỘNG			64 ĐVHT
D. Khóa luận tốt nghiệp			20 đvht
		Thực tập cán bộ kỹ thuật	8
1		Đồ án tốt nghiệp	8 đvht
2		Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
TỔNG CỘNG			80 ĐVHT

